

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC GIÁO DỤC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN

CHỨC DANH: Phó Giáo sư

Mã hồ sơ:

(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ; Nội dung không đúng thì để trống:)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên Giảng viên thỉnh giảng

Ngành: Giáo dục học

Chuyên ngành: Quản lý giáo dục

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký:

PHẠM THỊ THANH HẢI

2. Ngày tháng năm sinh: 01/04/1972;

Nam Nữ ;

Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh;

Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam:

4. Quê quán (xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): Xã Quảng Nạp, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố, phường, quận, thành phố hoặc xã, huyện, tỉnh): Số nhà 35, Ngõ 127/15/1 Văn Cao, Phường Liễu Giai, Quận Ba Đình, Hà Nội.

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bru điện):

- Phòng 303, Nhà G7, 144 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội.
- Điện thoại nhà riêng: 024.3200.2162; Điện thoại di động: 0913.509.074;
- E-mail: haiphammtt@vnu.edu.vn

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

- Từ năm 1993 đến năm 1997: Công tác tại Phòng Kế hoạch, Chuyên viên lập kế hoạch cho các dự án đầu tư nước ngoài, Công ty xây dựng Thủy lợi 24, Thành phố Vinh, Nghệ An.
- Từ năm 1997 đến năm 2007: Công tác tại Khoa Ngoại ngữ (1997-1999); Công tác tại Phòng Hợp tác quốc tế, Trường Đại học Vinh. Nghệ An (1999-2007).
- Từ năm 2007 đến năm 2014: Công tác biệt phái tại Ban Quản lý Dự án Giáo dục Đại học 2, Bộ Giáo dục Đào tạo; Điều phối viên quốc gia phụ trách về Giám sát và Đánh giá hoạt động giảng dạy và nghiên cứu; Giảng dạy, tập huấn về giám sát và đánh giá cho trường đại học thuộc Dự án Giáo dục đại học 2;
- Từ năm 2011 đến năm 2014: Giảng viên thỉnh giảng của Khoa Quản lý Giáo dục, trường Đại học Sư phạm Hà Nội.
- Từ 2014 đến năm 2015: Giảng viên, Khoa Quản lý Giáo dục, Phụ trách mảng khoa học và Hợp tác quốc tế tại Phòng Khoa học và Quan hệ quốc tế.

- Từ năm 2015 đến nay: Giảng viên, công tác tại Bộ môn Quản lý giáo dục chuyên ngành, Khoa Quản lý Giáo dục; Phụ trách mảng khoa học và Hợp tác quốc tế tại Phòng Khoa học và Hợp tác Phát triển, Trường Đại học Giáo dục, Đại học Quốc gia Hà Nội.
- Chức vụ hiện nay: Trưởng phòng
- Chức vụ cao nhất đã qua: Trưởng phòng
- Cơ quan công tác hiện nay: Trường Đại học Giáo dục, Đại học Quốc gia Hà Nội
- Địa chỉ cơ quan: Phòng 303, Nhà G7, 144 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội.
- Điện thoại cơ quan: 0247.3017.123

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có): Trường Đại học Sư phạm Hà Nội; Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.

8. Đã nghỉ hưu từ tháng năm

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ):

9. Học vị

- Được cấp bằng ĐH ngày 16 tháng 06 năm 1993, ngành: Sư phạm, chuyên ngành: Tiếng Nga.
+ Nơi cấp bằng ĐH: Trường Đại học Sư phạm Ngoại ngữ (nay là trường Đại học Ngoại ngữ) Đại học Quốc gia Hà Nội. Việt Nam
- Được cấp bằng ĐH ngày 20 tháng 04 năm 1993, ngành: Sư phạm, chuyên ngành: Tiếng Anh
+ Nơi cấp bằng ĐH: Trường Đại học Sư phạm Ngoại ngữ (nay là trường Đại học Ngoại ngữ) Đại học Quốc gia Hà Nội. Việt Nam
- Được cấp bằng ThS ngày 03 tháng 04 năm 2006, ngành: Giáo dục học, chuyên ngành: Quản lý Giáo dục
+ Nơi cấp bằng ThS: Trường Đại học Vinh, Nghệ An, Việt Nam
- Được cấp bằng TS ngày 25 tháng 04 năm 2014, ngành: Khoa học Giáo dục, chuyên ngành: Quản lý Giáo dục
+ Nơi cấp bằng TS : Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, Việt Nam
- Được cấp bằng TSKH ngày tháng năm ngành chuyên ngành:
+ Nơi cấp bằng TSKH (trường, nước):

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày tháng năm , ngành:

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó Giáo sư tại HDGS cơ sở: Trường Đại học Giáo dục, Đại học Quốc gia Hà Nội

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó Giáo sư tại HDGS ngành: Giáo dục học

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu: Trong quá trình tham gia giảng dạy và NCKH tôi quan tâm và tập trung nghiên cứu về Quản lý giáo dục (QLGD) - chuyên ngành đã được đào tạo, trong đó tập trung sâu vào hai hướng chính:

- (i) Quản trị và tự chủ đại học;
- (ii) Phát triển chuyên môn giáo viên.

Cả hai hướng nghiên cứu chính này đã được ứng dụng có hiệu quả vào việc cải tiến và nâng cao công tác giảng dạy và phục vụ trực tiếp công tác đào tạo, bồi dưỡng giáo viên các cấp học.

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học

- Đang hướng dẫn 01 nghiên cứu sinh luận án tiến sỹ QLGD
- Đã hướng dẫn 8 HVCH bảo vệ thành công luận văn Th.S QLGD
- Đã hoàn thành 2 đề tài NCKH cấp cơ sở với vai trò là chủ trì đề tài (2012, 2015)
- Đã hoàn thành 2 đề tài NCKH cấp Đại học Quốc gia với vai trò là chủ trì đề tài (2016, 2018)
- Đã tham gia nghiên cứu đề tài NCKH cấp nhà nước (2016-2018)
- Đã tham gia nghiên cứu đề tài NCKH cấp Đại học Quốc gia Hà Nội (2018-2019)
- Đang là thư kí đề tài NCKH cấp Nhà nước (2018-2020)
- Đã tham gia nhóm nghiên cứu Vietnam Escuela Nueva Impact Evaluation Study “Participative and Collaborative Learning”; Do Quỹ Dubai Cares Foundation and the Global Partnership for Education. 2016. Copyright @2016 The World Bank. Educational Global Partnership. Vị trí. Thư kí nghiên cứu.
- Đã tham gia nhóm nghiên cứu “A Vietnam-UK Centre of Excellence to design, construct and research the pedagogical impact of mobile digital textbooks in education” (2016-2018); Do Newton Institutional Links (UK) tài trợ. Vị trí. Trưởng nhóm nghiên cứu.
- Đã tham gia nhóm nghiên cứu quốc tế trong Báo cáo “Việt Nam 2035- Hướng tới Thịnh vượng, Sáng tạo, Công bằng và Dân chủ; Do Ngân hàng Thế giới và Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì (2015-2016). Vị trí: Thành viên nhóm nghiên cứu.
- Đã tham gia nhóm nghiên cứu quốc tế về “Digitising and re-contextualising successful approaches to student-centred learning for employability in Vietnamese contexts” thuộc Higher Education Partnership Fund (UK), vị trí: Điều phối viên. (2016-2017)
- Đã tham gia nhóm nghiên cứu quốc tế về “internationalising higher education in vietnam: building high quality research and teaching through strategic leadership” thuộc Higher Education Partnership Fund (UK). Vị trí: Điều phối viên. (2015-2016) ”
- Đang tham gia nhóm nghiên cứu quốc tế về “Teaching and learning together: re-visioning TNE partnerships as collaborative communities of practice” thuộc Higher Education Partnership Fund (UK), vị trí: Điều phối viên. (2018-2019)
- Đã công bố (số lượng) 38 bài báo KH, trong đó 6 bài báo KH trên tạp chí quốc tế có uy tín (02 bài trong hệ thống ISI/SCOPUS; 04 bài công bố trên tạp chí quốc tế khác; Là tác giả chính của 5 bài báo trên tạp chí quốc tế uy tín)
- Chưa được cấp (số lượng) bằng chế, giải pháp hữu ích
- Số lượng sách đã xuất bản: 06 (gồm 04 cuốn chủ biên), trong đó 6 thuộc nhà xuất bản có uy tín.
- Số lượng ... tác phẩm nghệ thuật, thành tích thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế.
- Liệt kê không quá 5 công trình KH tiêu biểu nhất

Với sách: Ghi rõ tên sách, tên các tác giả, NXB, năm XB, chỉ số ISBN;

Với công trình KH: Ghi rõ tên công trình, tên các tác giả, tên tạp chí, tập, trang, năm công bố; nếu có thì ghi rõ tạp chí thuộc loại nào: ISI (SCI, SCIE, SSCI, A&HCI, ESCI), Scopus hoặc hệ thống CSDL quốc tế khác; chỉ số ảnh hưởng IF của tạp chí và chỉ số trích dẫn của bài báo.

Sách

1. Quản lý hoạt động học tập của Sinh viên trong phương thức đào tạo theo hệ thống tín chỉ ở trường đại học. Chủ biên Phạm Thị Thanh Hải. (2016). NXB Đại học Sư phạm. ISBN. 978-604-54-3045-3
2. Đổi mới đánh giá học sinh tiểu học – Lý luận và thực tiễn. Đồng Chủ biên Phạm Thị Thanh Hải & Nguyễn Vũ Bích Hiền. (2016). NXB Giáo dục Việt Nam. ISBN. 978-604-0-09707-1
3. Tự chủ đại học trong bối cảnh đổi mới giáo dục – Nghiên cứu trường hợp Đại học Quốc gia Hà Nội. Chủ biên Phạm Thị Thanh Hải & các tác giả Trần Thị Hoài, Nguyễn Kiều Oanh, Đỗ Thị Thu Hằng, Nguyễn Thị Huệ. (2018). NXB Đại học Quốc gia Hà Nội. ISBN. 978-604-62-9980-6

Báo

- 1) Teaching career and factors that influence job satisfaction of novice teachers. Pham Thi Thanh Hai, Bui Minh Trang, Nguyen Le Thach (2018). Jirsea Issue: Vol.16 No.1. September/October 2018. ISSN 1675-6061. (SCOPUS)
- 2) Autonomy in teaching curriculum development at Vietnam National University, Hanoi: current situation and solutions. Tran Thi Hoai, Pham Thi Thanh Hai, Nguyen Kieu Oanh. (2018). Jirsea Issue: Vol.16 No.1. May/June 2018. ISSN 1675-6061. (SCOPUS)

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

- + Bằng khen của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Nghệ An năm 2014 vì có nhiều thành tích trong chương trình phát triển kinh tế xã hội của tỉnh Nghệ An trong 3 năm 2001-2003 (Quyết định số 2430/CT-KT ngày 1/7/2014)
- + Chiến sỹ thi đua cấp cơ sở liên tục 4 năm từ năm (2014-2018);
- + Chiến sỹ thi đua cấp Đại học Quốc gia Hà Nội năm 2017.

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): Không

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo (tự đánh giá).

- Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ của một nhà giáo, một nhà quản lý, bản thân tôi đã luôn trau dồi học tập, rèn luyện phẩm chất đạo đức của một nhà giáo, gương mẫu, tận tụy với nghề. Vừa giảng dạy, vừa nghiên cứu để có những công trình khoa học được công bố có giá trị phục vụ cho công tác giảng dạy, là tài liệu tham khảo cho sinh viên, học viên và các nhà nghiên cứu về giáo dục. Song song với giảng dạy, tôi thực hiện nghiên cứu khoa học với vị trí là chủ nhiệm đề tài, là thành viên của một số nhóm nghiên cứu trong và ngoài trường. Tham gia các nhóm nghiên cứu là dịp để tôi vừa học hỏi và chia sẻ kiến thức và kinh nghiệm với đồng nghiệp. Bên cạnh đó, tôi đã tích cực tham gia hướng dẫn các học viên cao học làm luận văn phù hợp với các hướng tôi đang nghiên cứu với kết quả hoàn thành tốt và xuất sắc.

- Bản thân luôn nhận thức được học tập và nghiên cứu là việc suốt đời. Tôi ý thức việc thường xuyên học tập, nghiên cứu để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ; luôn cố gắng tìm các cơ hội để đổi mới phương pháp giảng dạy. Với sự nỗ lực và nghiêm túc trong giảng dạy, bản thân tôi nhận được sự phản hồi tích cực từ người học, tôi được đồng nghiệp trong trường và cộng đồng chuyên môn đánh giá cao. Tôi thực hiện công việc giảng dạy và nghiên cứu khoa học theo mục tiêu, nguyên lý giáo dục, thực hiện đầy đủ và có chất lượng chương

trình giáo dục; tôn trọng nhân cách của người học, đối xử công bằng và bảo vệ lợi ích của sinh viên và học viên.

- Bản thân tôi nhận thấy mình đã có đóng góp công sức nhỏ vào sự nghiệp giáo dục. Tôi mong muốn được tiếp tục công hiến cho công việc và nền giáo dục nước nhà trong bối cảnh mới. Tôi sẽ tiếp tục cố gắng và phấn đấu học tập, làm việc trong tương lai.

2. Thời gian tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên: 12 năm

(Khai cụ thể ít nhất 6 năm học, trong đó có 3 năm học cuối tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ)

(Căn cứ chế độ làm việc đối với giảng viên theo quy định hiện hành)

TT	Năm học	Hướng dẫn NCS		HD luận văn ThS	HD đồ án, khóa luận tốt nghiệp ĐH	Giảng dạy		Tổng số giờ giảng/số giờ quy đổi
		Chính	Phụ			ĐH	SĐH	
1	2013-2014					30		30
2	2014-2015					30		30
3	2015-2016							
3 năm học cuối								
4	2016-2017			1			54	54/124 ^(*)
5	2017-2018		01	4			54	54/334 ^(**)
6	2018-2019		01	3			108	108/318 ^(***)

Tổng số giờ giảng dạy theo định mức quy định: 270 giờ

Công tác kiêm nhiệm: Trưởng phòng

Số giờ kiêm nhiệm được giảm (75%): 202,5 giờ

Số giờ thực hiện sau giờ miễn giảm: 67,5 giờ (trong đó, 33,75 giờ trực tiếp đứng lớp)

Số giờ thực hiện 3 năm cuối được đảm bảo đủ yêu cầu, cụ thể:

Năm học 2016-2017 (*) 54/124^(*)

Năm học 2017-2018 (**) 54/334^(**)

Năm học 2018-2019 (***) 108/318^(***)

3. Ngoại ngữ

3.1. Ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh, Tiếng Nga

a) Được đào tạo ở nước ngoài

- Học ĐH ; Tại nước:; Từ năm đến năm

- Bảo vệ luận văn ThS hoặc luận án TS hoặc TSKH ; Tại nước: năm.....

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH Ngoại ngữ:

- o Trường Đại học Sư phạm Ngoại ngữ Hà Nội (Trường Đại học Ngoại ngữ), Đại học Quốc gia Hà Nội. Anh văn. Số bằng: A 13971; Năm cấp: 1993
- o Trường Đại học Sư phạm Ngoại ngữ Hà Nội (Trường Đại học Ngoại ngữ), Đại học Quốc gia Hà Nội. Nga văn. Số bằng: A 75411; Năm cấp: 1993

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ:
- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước):

d) Đối tượng khác ; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ): Đại học Tiếng Anh

4. Hướng dẫn thành công NCS làm luận án TS và học viên làm luận văn ThS (đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng)

TT	Họ tên NCS hoặc HV	Đối tượng		Trách nhiệm HD		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HV	Chính	Phụ			
1	Vũ Hùng Anh		x	x		2014-2016	Trường ĐHGĐ	QĐ số 1259/QĐ-ĐT ngày 26/09/2016
2	Trần Duy Hiền		x	x		2015-2017	Trường ĐHGĐ	QĐ số 451/QĐ-ĐHGĐ ngày 5/4/2018
3	Vũ Văn Hùng		x	x		2015-2017	Trường ĐHSPHN	QĐ số 5964/QĐ-ĐHSPHN ngày 24/07/2017
4	Nguyễn Văn Cường		x	x		2015-2017	Trường ĐHGĐ	QĐ số 955/QĐ-ĐHGĐ ngày 08/06/2017
5	Đoàn Út Bảy		x	x		2015-2017	Trường ĐHGĐ	QĐ số 955/QĐ-ĐHGĐ ngày 08/06/2017
6	Nguyễn Đức Hiền		X	X		2016-2018	Trường ĐHGĐ	QĐ số 1787/QĐ-ĐHGĐ ngày 8/11/2018
7	Nguyễn Tiến Xuân		X	X		2016-2018	Trường ĐHGĐ	QĐ số 1787/QĐ-ĐHGĐ ngày 8/11/2018
8	Phạm Thị Chang		x	x		2016-2018	Trường ĐHSP Hà Nội	QĐ số 5639/QĐ-ĐHSP, ngày 03/08/2018

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai số lượng NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo đại học và sau đại học

(Tách thành 2 giai đoạn: Đối với ứng viên chức danh PGS: Trước khi bảo vệ học vị TS và sau khi bảo vệ học vị TS; đối với ứng viên GS: Trước khi được công nhận chức danh PGS và sau khi được công nhận chức danh PGS)

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Viết MM hoặc CB, phần biên soạn	Xác nhận của CS GDĐH (Số văn bản xác nhận sử dụng sách)
Trước bảo vệ học vị Tiến sỹ						
1	Nghiên cứu hành động cùng tham gia trong giảm nghèo	Sách tham khảo	NXB Nông nghiệp. 2003	6	Chương 4 “Công cụ nghiên cứu hành động cùng tham gia” từ trang 128 đến 194	Trường ĐH Vinh xác nhận ngày 6.6.2019
Sau bảo vệ học vị Tiến sỹ						
2	Quản lý hoạt động học tập của Sinh viên trong phương thức đào tạo theo hệ thống tín chỉ ở trường đại học	Sách chuyên khảo	NXB Đại học Sư phạm 2016	1	MM	Trường ĐHGĐ xác nhận ngày 28.6.2019
3	Khoa học tư duy từ nhiều hướng tiếp cận khác nhau.	Sách tham khảo	NXB Tri thức 2016	Nhiều tác giả	“Việt Nam tiến hành quốc tế hóa giáo dục như thế nào” Từ trang 279 đến 292	Trường ĐHGĐ xác nhận ngày 28.6.2019
4	Đổi mới đánh giá học sinh tiểu học – Lý luận và thực tiễn.	Sách chuyên khảo	NXB Giáo dục Việt Nam 2016	Đồng chủ biên. 6 tác giả	CB	Trường ĐHGĐ xác nhận ngày 28.6.2019
5	Đổi mới đánh giá học sinh tiểu học (Theo Thông tư 22/2016/TT-BGDĐT)	Sách tham khảo	NXB Giáo dục Việt Nam 2016	Đồng chủ biên. 6 tác giả	CB	Trường ĐHGĐ xác nhận ngày 28.6.2019
6	Tự chủ đại học trong bối cảnh đổi mới giáo dục – Nghiên cứu trường hợp Đại học Quốc gia Hà Nội	Sách chuyên khảo	(2018). NXB ĐHQGHN	Chủ biên. 5 tác giả	CB	Trường ĐHGĐ xác nhận ngày 28.6.2019

- Trong đó, sách chuyên khảo xuất bản ở NXB uy tín trên thế giới sau khi được công nhận PGS (đối với ứng viên chức danh GS) hoặc cấp bằng TS (đối với ứng viên chức danh PGS):

Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; MM: viết một mình; CB: chủ biên; phần ứng viên biên soạn đánh dấu từ trang ... đến trang ... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PC N/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)
1	Nghiên cứu mô hình đại học tự chủ và các giải pháp tăng quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các cơ sở giáo dục đại học ở Việt Nam giai đoạn 2018 – 2025, tầm nhìn 2030	TK	KHGD/16-20.006. Cấp nhà nước	2017-2020	Đang thực hiện
2	Đánh giá thực trạng tính tự chủ và trách nhiệm xã hội của các trường ĐH thành viên thuộc ĐHQGHN đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản toàn diện giáo dục đại học	CN	ĐHQGHN. QG.16.60	2016-2018	12/2018
3	Nghiên cứu đánh giá năng lực chuyên môn của giáo viên mới vào nghề và những điều chỉnh cần thiết cho đào tạo bồi dưỡng giáo viên	CN	ĐHQGHN. QG.16.85	2016-2018	1/2019
4	Nghiên cứu đề xuất giải pháp phát triển bền vững Tây Bắc	TV	KHCN - TB.21X/13-18	2016-2018	3/2019
5	Nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn đề xuất chính sách tăng cường thực hiện tự chủ và trách nhiệm giải trình của các trường Đại học Việt Nam	TV	ĐHQGHN	2018-2019	1/2019
6	Digitising and re-contextualising successful approaches to student-centred learning for employability in Vietnamese contexts	Trưởng nhóm nghiên cứu	Higher Education Partnership Fund (UK)	2016-2017	2017
7	Tăng cường khả năng nghiên cứu khoa học của nghiên cứu viên và giảng viên thuộc trường Đại học Giáo dục – Đại học Quốc gia Hà Nội	CN	Trường ĐHQG. QS.14.05	2014-2015	2015
8	Một số vấn đề thực trạng quản lý hoạt động học tập của sinh viên trong đào tạo theo hệ thống tín chỉ ở trường đại	CN	Trường ĐHSP	2011-2012	2012

học		Hà Nội		
-----	--	--------	--	--

Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế)

7.1. Bài báo khoa học đã công bố

(Tách thành 2 giai đoạn: Đối với ứng viên chức danh PGS: Trước khi bảo vệ học vị TS và sau khi bảo vệ học vị TS; đối với ứng viên GS: Trước khi được công nhận chức danh PGS và sau khi được công nhận chức danh PGS)

TT	Tên bài báo	Số tác giả	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học	Tạp chí quốc tế uy tín (và IF)	Số trích dẫn của bài báo	Tập/số	Trang	Năm công bố
Sau bảo vệ tiến sỹ								
1.	Internationalization of Higher Education in the autonomy context: a case study of Vietnam National University, Hanoi (Tác giả chính)	3	Tạp chí khoa học. Chuyên san nghiên cứu giáo dục. Đại học Quốc gia Hà Nội.			Vol 35, No.2, 2019	1-9	2019
2.	Startup Learning Community Approach – Case Study in Vietnam (Đồng tác giả)	2	Toward Achieving the SDG 4: Contribution of African and Asian Researchers – Final Repeort of Phase IV Research Results			Hiroshima University. CICE Series 6	63-77	2019
3.	The Organizational, Profesional and social condition Perceived by Novice teachers	12	Toward Achieving the SDG 4: Contribution of African and Asian Researchers – Final Report of Phase IV Research Results			Hiroshima University. CICE Series 6	99-121	2019

4.	Tổ chức dạy học theo chương trình tiếng Anh liên kết Quốc tế tại các trường tiểu học Quận Bắc Từ Liêm – Thực trạng và giải pháp. (Tác giả chính)	2	VNU University of Education, Proceedings of International Conference New Issues In Educational Sciences: Inter-Disciplinary and Cross- Disciplinary Approaches ISBN: 978-604-968-566-8			VNU Publishings House, 2019	567-581	2019
5.	Developing novice teachers practice through critical reflection (Đồng tác giả)	4	Hochiminh City University of Education, Journal of Science – Education Science			Vol.15, No.5b	18-30	2018
6.	Master plan for Vietnam higher education system – The status of education planning at Vietnam National University (Tác giả chính)	2	Hochiminh City University of Education, Journal of Science – Education Science			Vol.15, No.5b	117-127	2018
7.	Thực trạng quản lý bồi dưỡng năng lực quản lý cho hiệu trưởng trường THPT Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục. (Tác giả chính)	2	VNU University of Education, Proceedings of International Conference New Trend in Education ISBN.978-604-968-478-4			VNU Publishings House, 2018	567-581	2018
8.	Master plan for Higher education institutions: The lesson learn for Vietnam, VNU University of Education, (Tác giả chính)	2	Proceedings of International Conference Education For All ISBN: 978-604-62-6622-8			VNU Publishings House, 2018	448-461	2018

9.	Actual status of English language learning activities in ethnic minority boarding schools of Phu Tho province under the oriental retrieving principles. (Tác giả chính)	2	VNU University of Education, Proceedings of International Conference New Trend in Education ISBN.978-604-968-478-4			VNU Publishings House, 2018	539-554	2018
10.	Teaching career and factors that influence job satisfaction of novice teachers. (Tác giả chính)	3	Jirsea Issue (SCOPUS) ISSN 1675-6061			Vol.16 No.1. September/October 2018.		2018
11.	Autonomy in teaching curriculum development at Vietnam National University, Hanoi: current situation and solutions. (Đồng tác giả)	3	Jirsea Issue (SCOPUS) ISSN 1675-6061			Vol.16 No.1. May/June 2018.		2018
12.	The Model of Organization and Personnel Management Autonomy at Vietnam National University Hanoi - Situation and Challenges (Đồng tác giả)	3	Tạp chí khoa học. Chuyên san nghiên cứu giáo dục. Đại học Quốc gia Hà Nội.			Vol. 34, No. 2. 2018	1-11	2018
13.	Developing the quality of novice primary teachers to meet the renewal requirements and to enhance the quality of the general education (Tác giả chính)	3	American Journal of Educational Research ISSN: 2327-6126	2-GJIF		Volume 6, No 5. May 2018	468-475	2018

14.	Vận dụng nghiên cứu bài học để phát triển cộng đồng học tập, nghiên cứu trường hợp tại trường THCS Nguyễn Trục – Hà Nội. (Tác giả chính)	3	Tạp chí Giáo dục. Bộ GD&ĐT			Số 430 (kì 2-5/2018)	Trang 42-46	2018
15.	Thực trạng hoạt động giảng dạy tại trường ĐH Y Dược Hải Phòng theo định hướng tự chủ học thuật (Tác giả chính)	2	Tạp chí Giáo dục. Bộ GD&ĐT			Số 441 (kì 1-11/2018)	22-27	2018
16.	Tự chủ và trách nhiệm giải trình của giáo dục đại học Việt Nam trong tiến trình đổi mới và hội nhập quốc tế	1	Tạp chí Khoa học Xã hội và Nhân văn			Tập 3, Số 1b (2017)	84-95	2017
17.	Đánh giá ảnh hưởng của sự lựa chọn nghề dạy học và quá trình học tập trong trường sư phạm đến năng lực chuyên môn của giáo viên tiểu học với vào nghề (Tác giả chính)	2	Tạp chí Khoa học. Trường ĐHSP Hà Nội			số 9/2017.	149-157	2017
18.	Teacher capacity of the novice teacher – Current status.2017.	1	International Conference:Leadership and managerment in Higher Education: Challenges, opportunities and ways Forward.			SEMEO-BCCIE. Internationa 1 Conference	73-75	2017

19.	Đánh giá thực trạng quản lý hoạt động học tập của học sinh bán trú ở các trường Trung học Phổ thông huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang. (Đồng tác giả)	2	Tạp chí Giáo dục. Bộ GD&ĐT			số 399, Kì 1-2/ S 2017		2017
20.	Vietnam: School improvement practices at Lower Secondary Level in Hanoi, Vietnam – New Quality Issues after the Law on Residence 2006. (Tác giả chính)	2	Report on Development of the inclusive Education System Model for Learning improvement in Developing countries			Proceedings Feb 2017 CICE. Hiroshima University. Japan	15-20	2017
21.	Improving primary education quality through the pilot of escuela nueva model in Vietnam 2016. (Tác giả chính)	3	18 th UNESCO-APEID International Conference: Pursuit of Quality Education: The Past, Present and Future			18 th UNESCO-APEID International Conference:	29	2016
22.	Assessing the impact of lectureres qualification to the publication of scientific articles: VNU-university of education case study. (Tác giả chính)	2	The international journal of humanities and social studies ISSN 2321 – 9203	0.981 (IIFS)		Vol 4 Issue 4, Feb 2016	330-334	2016

23.	An international comparative analysis of teachers' professional identity in malaysia and vietnam: implications for reforms. (Tác giả chính)	5	The international journal of humanities and social studies ISSN 2321 – 9203	0.981 (IIFS)		Vol 4 Issue 2, Feb 2016	324-330	2016
24.	Assess the acknowledgment of elementary teacher on the contents of the increasing professional capacity training – Case in Vietnam. (Tác giả chính)	1	The international journal of humanities and social studies ISSN 2321 – 9203	0.981 (IIFS)		Vol 4 Issue 2, Feb 2016	336-342	2016
25.	Vietnam 2035- Toward Prosperity, Creatvity, Equity, and Democracy (Đồng tham gia)	Nhiều tác giả	© 2016 International Bank for Reconstruction and Development / The World Bank and the Ministry of Planning and Investment of Vietnam.			Doi: 10.1596/978-1-4648-0824-1	1-168	2016
26.	Đánh giá học sinh tiểu học – một số nguyên tắc đánh giá từ kinh nghiệm quốc tế và thực tiễn ở việt nam. (Tác giả chính)	2	Tạp chí Quản lý giáo dục. Học viện Quản lý giáo dục			Số 81, kì 2. 2016	15-19	2016
27.	Đánh giá kết quả nghiên cứu khoa học của các trường đại học tham gia Quỹ nâng cao chất lượng Đào tạo và Nghiên cứu.	1	Tạp chí Quản lý giáo dục. Học viện Quản lý giáo dục			Số 76, tháng 9/2015	25-30	2015

28.	Đánh giá kết quả của đầu tư Quỹ Nâng cao chất lượng đào tạo và nghiên cứu cho hoạt động đào tạo ở các trường đại học	1	Tạp chí khoa học. Trường ĐH Vinh			Tập 44, 3B, 2015	12-22	2015
29.	Một số giải pháp cơ bản quản lý hoạt động học tập của sinh viên theo hệ thống tín chỉ ở trường đại học	1	Tạp chí khoa học. Chuyên san nghiên cứu giáo dục. Đại học Quốc gia Hà Nội.			Tập 30, số 1S, 2014		2014
Trước bảo vệ học vị tiến sĩ								
1	Quản lý thực hiện dự án giáo dục đại học ở trường Đại học Vinh. Thực trạng và giải pháp.	1	Bộ GDĐT. Tạp chí giáo dục			Số 129, tháng 1/2006	6-9	2006
2	Một số vấn đề đào tạo theo hệ thống tín chỉ.	1	Bộ GDĐT. Tạp chí giáo dục			Số 218, kì 2, tháng 7/2009	4-6	2009
3	Hoạt động tự học của sinh viên trong đào tạo theo hệ thống tín chỉ.	1	Bộ GDĐT. Tạp chí giáo dục			Số 262, kì 2, tháng 5/2011	31-33	2011
4	Một số nội dung của công tác cố vấn học tập trong đào tạo theo hệ thống tín chỉ Hoa Kỳ và kinh nghiệm đối với Việt Nam	1	Bộ GDĐT. Tạp chí giáo dục			Số 268, tháng 8/2011	26-29	2011
5	Thực trạng hoạt động học tập của SV trong đào tạo theo hệ thống tín chỉ ở các trường đại học Việt Nam	1	Bộ GDĐT. Tạp chí giáo dục			SĐB. Tháng 12/2011.	554-55-71	2011

6	Quản lý hoạt động học tập của sinh viên theo hệ thống tín chỉ ở trường đại học	1	Tạp chí Quản lý giáo dục. Học viện quản lý giáo dục		Số 43, tháng 12/2012.	35-37	2012
7	Thực trạng quản lý hoạt động học tập của sinh viên theo hệ thống tín chỉ	1	Tạp chí khoa học. Trường ĐHSP Hà Nội		Tập 57, số 4/2012.	74-82	2012
8	Cơ sở vật chất của các trường đại học thực hiện đào tạo theo hệ thống tín chỉ - Thực trạng và giải pháp	1	Tạp chí giáo dục. Bộ GD-ĐT		278, kì 2, tháng 1/2012.	22-25	2012
9	Vận dụng kinh nghiệm quản lý sinh viên trong đào tạo theo hệ thống tín chỉ của các trường đại học Hoa Kỳ và các trường đại học Việt Nam	1	Tạp chí khoa học. Trường ĐH Vinh		Số 41, tập 1B/2012.	29-37	2012

- Trong đó, bài báo đăng trên tạp chí khoa học quốc tế uy tín sau khi được công nhận PGS hoặc cấp bằng TS: 02

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Số tác giả
1				

- Trong đó, bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích cấp sau khi được công nhận PGS hoặc cấp bằng TS: ...

7.3. Giải thưởng quốc gia, quốc tế (Tên giải thưởng, quyết định trao giải thưởng,...)

TT	Tên giải thưởng	Cơ quan/tổ chức ra quyết định	Số quyết định và ngày, tháng, năm	Số tác giả
1				

- Trong đó, giải thưởng quốc gia, quốc tế sau khi được công nhận PGS hoặc cấp bằng TS:

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học

- Chương trình đào tạo thạc sĩ chuyên ngành Quản lý Giáo dục. (Quyết định số 1110/QĐ-ĐT ngày 19 tháng 12 năm 2014 về việc thành lập Tổ công tác xây dựng Đề án mở chương trình liên kết quốc tế đào tạo thạc sĩ chuyên ngành Quản lý Giáo dục)

- Chương trình đào tạo và bồi dưỡng nhà giáo, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục của trường ĐHGĐ. (Quyết định số 583/QĐ-TCCB ngày 29 tháng 4 năm 2016 về việc thành lập Ban quản lý Chương trình)

- Chương trình bồi dưỡng Những vấn đề chung về Khoa học Quản lý giáo dục và Quản trị trường học. (Quyết định số 649/QĐ-ĐT ngày 28 tháng 3 năm 2017 về việc thành lập nhóm biên soạn Chương trình)

- Chương trình bồi dưỡng Lãnh đạo trong giáo dục. (Quyết định số 650/QĐ-ĐT ngày 28 tháng 3 năm 2017 về việc thành lập nhóm biên soạn Chương trình)

- Chương trình đào tạo thạc sĩ Khoa học giáo dục và Quản trị trường học. (Quyết định số 651/QĐ-ĐT ngày 28 tháng 3 năm 2017 về việc thành lập Tổ công tác xây dựng Đề án Chương trình liên kết quốc tế đào tạo)

- Chương trình Thạc sĩ Lãnh đạo và Quản lý Giáo dục. (Quyết định số 652/QĐ-ĐT ngày 28 tháng 3 năm 2017 về việc thành lập Tổ công tác xây dựng Đề án mở chương trình liên kết quốc tế đào tạo)

9. Các tiêu chuẩn còn thiếu so với quy định cần được thay thế bằng bài báo khoa học quốc tế uy tín:

- Thời gian được cấp bằng TS, được bổ nhiệm PGS:
- Giờ chuẩn giảng dạy:
- Công trình khoa học đã công bố:
- Chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ
- Hướng dẫn NCS, ThS:

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội, ngày 28 tháng 6 năm 2019

Người đăng ký

Phạm Thị Thanh Hải

D. XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI ĐÚNG ĐẦU NƠI ĐANG LÀM VIỆC

- Nội dung thông tin cá nhân đã kê khai là đúng với lí lịch cán bộ của TS Phạm Thị Thanh Hải công tác tại trường Đại học Giáo dục, Đại học Quốc gia Hà Nội. TS Phạm Thị Thanh Hải đã công tác tại trường Đại học Vinh từ năm 1997-2014 (trong đó, từ

- năm 2007-2014 được Bộ Giáo dục và Đào tạo điều động công tác biệt phái tại Ban Quản lý Dự án Giáo dục Đại học 2).
- TS Phạm Thị Thanh Hải công tác tại trường trường Đại học Giáo dục, Đại học Quốc gia Hà Nội từ tháng 1 năm 2014 đến nay. Trong thời gian công tác tại trường Đại học Giáo dục, TS Phạm Thị Thanh Hải đã hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao.

Hà Nội, ngày 28 tháng 6 năm 2019

HIỆU TRƯỞNG



GS.TS. Nguyễn Quý Thanh